

Thứ ba, ngày 5 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/11/2019			•
Tuần 4/11-8/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp của VN-Index mở đầu với vận động chủ yếu quanh mốc tham chiếu khi các mã bluechip trụ cột như VHM, VRE, TCB, GAS, BVH duy trì được đà tăng. Đến phiên chiều, chỉ số tiếp tục vận động đi ngang khi các cổ phiếu trụ cột có sự giằng co và phân hóa. Trong bối cảnh hầu hết các TTCK chủ chốt trong khu vực có phiên giao dịch hừng khởi, thị trường giữ vững được sắc xanh chủ yếu nhờ thông tin tích cực từ hội nghị ASEAN lần thứ 35. Theo đó, nhiều khả năng thỏa thuận thương mại RCEP sẽ được ký kết vào năm 2020 và được kì vọng sẽ đem lại nhiều lợi ích kinh tế cho Việt Nam nói riêng và các nước thành viên nói chung.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 05/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. TCB tăng mạnh sau đợt điều chỉnh ngắn hạn, tiếp tục vận động tăng giá kéo dài từ đầu tháng 8. Thanh khoản tăng mạnh, đồng thuận với tín hiệu tăng bởi các chỉ báo kỹ thuật. Vận động tăng của TCB có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí_1.2%. 14/18 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Danh mục có hiệu suất tích cực nhất trong phiên là **Dầu khí** - tăng **1.2%** nhờ sự khởi sắc của các cổ phiếu như PVD, PVS, GAS,... với kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai giúp cho cổ phiếu dòng dầu khí hồi phục từ đáy nhiều năm.

Phân tích kỹ thuật: VCS_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.91 điểm**, đóng cửa 1,024.34. HNX-Index **+0.11 điểm**, đóng cửa 106.71.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.89); GAS (+0.85); VRE (+0.49); TCB (+0.41); BID (+0.35).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.28); VNM (-1.05); VIC (-0.19); NVL (-0.19); MSN (-0.10).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,663 tỷ đồng**, **-17.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.9 điểm. Thị trường có 161 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 170 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **29.63 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VRE (51.80 tỷ), VHM (43.78 tỷ) và TVS (18.83 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **1.66 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1024.34

Giá trị: 3663.1 tỷ

1.91 (0.19%)

Khối ngoại (ròng): 29.63 tỷ

HNX-INDEX

106.71

Giá trị: 395.25 tỷ

0.11 (0.1%)

Khối ngoại (ròng): -1.66 tỷ

UPCOM-INDEX

56.61

Giá trị: 252.5 tỷ

0.02 (0.04%)

Khối ngoại(ròng): 3.99 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.7	0.23%
Giá vàng	1,504	-0.36%
Tỷ giá USD/VND	23,200	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,816	-0.29%
Tỷ giá JPY/VND	21,309	-0.28%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	13.75%
LS TPCP 5 năm	2.7%	6.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	51.6	VNM	-86.4
VHM	43.1	VCB	-23.4
TVS	19.1	CTD	-14.0
VIC	13.5	BSR	-7.1
HCM	12.2	VJC	-6.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Bạn không có thời gian để đầu tư

Bạn băn khoăn với biến động thị trường

Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

Tìm hiểu thêm

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **14/18 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Danh mục có hiệu suất tích cực nhất trong phiên là **Dầu khí** - tăng **1.2%** nhờ sự khởi sắc của các cổ phiếu như PVD, PVS, GAS,... với kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai giúp cho cổ phiếu dòng dầu khí hồi phục từ đáy nhiều năm.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tháng **khả quan**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_1.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Dầu khí	1.2%	3.7%	4.9%	2.2%	-2.4%	1.4%	18.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	3.2%	4.0%	2.2%	-4.8%	-7.0%	49.4%
BĐS & Khu công nghiệp	0.7%	1.9%	2.1%	5.1%	8.8%	13.0%	64.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.1%	1.1%	-1.7%	-1.1%	20.3%	50.0%
Lãi suất giảm	0.4%	-0.4%	-1.1%	2.0%	2.2%	4.7%	52.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.3%	3.2%	5.8%	14.1%	13.0%	8.0%	45.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	1.4%	3.7%	12.8%	19.6%	18.9%	87.5%
Chiến tranh thương mại	0.3%	-1.2%	-1.9%	-5.1%	-2.8%	-0.4%	7.5%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.2%	-0.5%	0.1%	4.2%	-1.6%	0.7%	-0.5%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	-0.5%	2.9%	5.9%	4.7%	10.5%	10.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	2.7%	3.7%	5.6%	4.2%	15.1%	84.4%
Ngân hàng	0.1%	3.1%	5.7%	16.3%	20.0%	18.7%	91.3%
Nước & Năng lượng	0.0%	1.1%	0.2%	5.3%	1.4%	15.7%	54.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	1.3%	3.3%	11.2%	11.9%	14.0%	77.2%
FTSE Việt Nam	0.0%	2.7%	4.4%	7.4%	7.6%	20.1%	93.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.2%	1.6%	4.1%	9.6%	15.3%	22.0%	98.9%
Xây dựng	-0.2%	-2.2%	-6.1%	0.3%	-7.0%	-8.0%	25.5%
Hàng tiêu dùng	-0.9%	-1.8%	-1.0%	1.8%	7.3%	13.9%	64.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 5	0.8%	1.2%	2.6%	5.1%	5.2%	22.5%	73.2%
Danh mục 8	0.5%	0.7%	2.8%	4.7%	13.2%	18.3%	62.0%
Danh mục 14	0.5%	0.9%	3.9%	11.4%	15.0%	13.7%	59.4%
Danh mục 17	-0.4%	0.1%	1.7%	1.8%	10.2%	37.0%	187.3%
Danh mục 11	-0.4%	-1.2%	1.5%	3.6%	13.1%	27.4%	112.5%

* Note
17/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	0.4%	0.4%	2.9%	7.6%	16.5%	21.9%	60.1%
Danh mục 24	0.1%	1.4%	3.9%	7.1%	22.7%	38.5%	107.5%
Danh mục 22	0.1%	0.6%	3.7%	9.6%	17.1%	32.7%	78.3%
Danh mục 19	-0.1%	-0.2%	3.2%	9.7%	18.0%	28.7%	64.5%
Danh mục 21	-0.3%	0.5%	3.1%	12.8%	16.5%	22.3%	75.2%

* Note
6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX							
VNINDEX	0.2%	2.9%	4.2%	6.0%	7.5%	12.0%	51.5%
VN30INDEX	0.2%	2.0%	3.8%	8.5%	7.5%	4.5%	46.1%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

11/5/2019

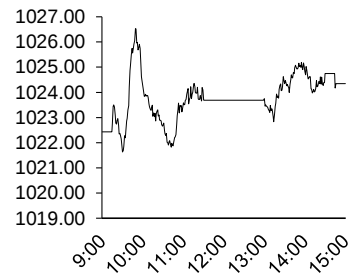
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

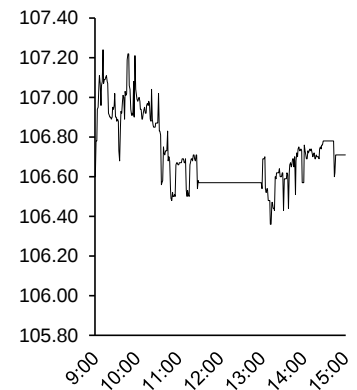
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-1.0%
Thực phẩm và đồ uống	-1.0%
Truyền thông	-0.9%
Tài nguyên Cơ bản	-0.1%
Du lịch và Giải trí	0.0%
Viễn thông	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.2%
Bán lẻ	0.2%
Ô tô và phụ tùng	0.3%
Dịch vụ tài chính	0.8%
Bất động sản	0.8%
Y tế	1.0%
Dầu khí	1.1%
Bảo hiểm	1.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.7%
Công nghệ Thông tin	1.8%
Ngân hàng	2.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VCS_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: mới vượt lên trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: VCS đang ở trong trạng thái tích lũy ngắn hạn tại khu vực 85-90 sau khi đã điều chỉnh khá sâu từ ngưỡng 110. Phiên hôm nay thanh khoản cổ phiếu tăng cao so với những phiên trước đó đã đẩy giá VCS tăng khá ấn tượng hơn 5%. Chỉ báo kỹ thuật MACD vừa xuất hiện Golden Cross đồng thời chỉ báo động lượng RSI cũng vượt lên trên giá trị 50 cho thấy những tín hiệu lạc quan về một chu kỳ tăng mới của cổ phiếu này. Tuy nhiên, do đường EMA12 vẫn chưa cắt lên trên EMA26 cũng như việc giá cổ phiếu chưa xác nhận phá vỡ vùng kháng cự 90-91 nên VCS vẫn có thể quay trở lại khu vực tích lũy. Nếu duy trì được động lực tăng giá để tiếp tục xu hướng đi lên trong dài hạn, VCS có tiềm năng lớn để vượt qua mức đỉnh cũ tại mốc 110 sau đó hướng đến chinh phục vùng giá xung quanh 125.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 05/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 05/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.63	0.59%	2.23%	8.10%	-9.58%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.10	-0.02%	1.78%	7.48%	-14.36%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.67	-0.13%	-0.29%	6.28%	-1.41%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1508.90	-0.01%	1.45%	1.39%	23.00%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.02	0.01%	1.46%	3.91%	23.83%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	922.45	-0.38%	0.49%	1.09%	5.99%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	511.65	-0.92%	0.22%	4.83%	1.11%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.16	-0.15%	7.98%	9.09%	37.14%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	151.80	0.07%	3.20%	-0.20%	7.28%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.49	0.08%	0.00%	0.16%	-4.64%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.24	0.00%	2.21%	2.86%	-0.92%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	103.80	-0.19%	3.63%	7.37%	-11.06%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.67	0.75%	0.06%	3.97%	-2.95%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3470.00	-0.03%	-0.49%	-4.91%	-20.41%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1786.00	1.77%	3.36%	4.75%	-9.57%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	83.00	0.00%	-2.92%	-10.75%	12.16%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.55	-0.57%	-1.45%	0.75%	-32.34%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent tăng 44 US cent hay 0.7% lên 62.13 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI tăng 34 US cent hay 0.6% lên 56.54 USD/thùng. Giá dầu tăng bởi triển vọng nhu cầu dầu thô cải thiện khi tăng trưởng việc làm của Mỹ tốt hơn dự kiến bổ sung cho thị trường hy vọng về thỏa thuận thương mại sơ bộ Mỹ - Trung Quốc sẽ đạt được trong tháng này.
- Thị trường lạc quan về tiến triển trong các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung Quốc đã đẩy chỉ số chứng khoán Mỹ lên mức cao kỷ lục, tăng giá dầu. Cổ phiếu năng lượng tăng mạnh nhất trong số 11 lĩnh vực chính của S&P 500.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.4% xuống 1,507.71 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York gần như không đổi tại 1,511.10 USD/ounce. Giá vàng giảm do lạc quan về cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung Quốc và lo sợ về suy thoái kinh tế toàn cầu xa dần.
- Không có nhu cầu trú ẩn an toàn trong vàng ít nhất trong ngắn hạn. Ba chỉ số chính của phố Wall ở mức cao kỷ lục do cổ phiếu công nghệ tăng bởi lạc quan về thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung Quốc và nền kinh tế trong nước đang cải thiện. Tuy nhiên, số liệu sản xuất yếu từ các khu vực lớn ở Châu Âu cho thấy tăng trưởng toàn cầu không chắc chắn.

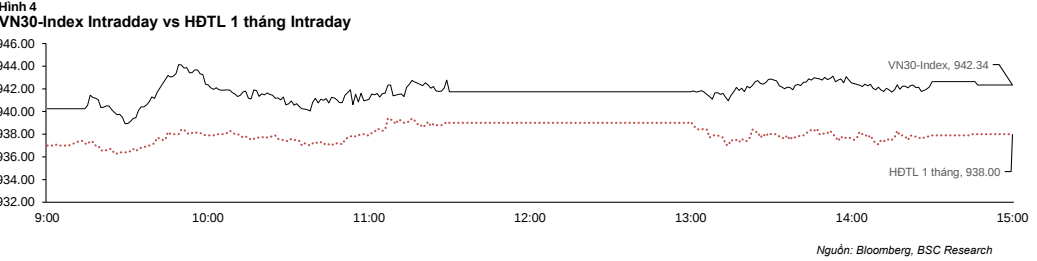
Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 1.1% xuống 615 CNY (87.56 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc, nước tiêu thụ hàng đầu thế giới về nguyên liệu thô sản xuất thép, giảm sau khi công ty khai mỏ Vale SA được chấp thuận khôi phục hoạt động tại một mỏ lớn ở Brazil.
- Giá thép thanh trên sàn Thượng Hải tăng 0.5%. Thép cuộn cán nóng tăng 0.2%.

Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn London giảm 10 USD, tương đương 0.8%, xuống còn 1,312 USD/tấn. Cà phê arabica trên sàn New York kỳ hạn tháng 12/2019 tăng lên 106.79 US cent/lb. Đồng real của Brazil mạnh lên, không khuyến khích các nhà sản xuất Brazil bán ra bởi giá trị của cà phê giảm khi tính bằng đồng nội tệ.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.04 US cent, tương đương 0.3% lên 12.53 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 3.60 USD, tương đương 1.1%, lên 343.70 USD/tấn. Thị trường tổng thể vẫn không rõ xu hướng nhưng khả năng thiếu hụt đường toàn cầu trong niên vụ hiện tại 2019/20 đang củng cố giá, mặt khác dự trữ cao lại hạn chế xu thế tăng.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	938.00	0.11%	-4.34	-12.0%	48988	11/21/2019	18
VN30F1912	938.20	0.13%	-4.14	-48.4%	126	12/19/2019	46
VN30F2003	939.00	0.14%	-3.34	-27.3%	8	3/19/2020	137
VN30F2006	939.20	0.05%	-3.14	-28.6%	20	6/18/2020	228

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +2.09 điểm lên mức 942.34 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như EIB, TCB, VHM, VPB, và VRE tác động mạnh đến vận động tăng điểm của VN30. Trong phiên hôm nay, VN30 dành phần lớn thời gian vận động tích lũy quanh ngưỡng 942. Thanh khoản giảm nhẹ, dù vẫn giữ tại mức tích cực, cùng các chỉ báo động lượng cho thấy chỉ số vẫn còn dư địa tăng mạnh trong những phiên tới.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và cả dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	17.40	5.45	1.30
TCB	24.75	1.64	1.26
VHM	97.90	1.98	0.98
VPB	22.25	1.14	0.58
VRE	35.60	2.01	0.45

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	129.2	-1.60	-1.46
VCB	90.8	-1.30	-0.49
NVL	58.5	-1.18	-0.36
GMD	25.9	-3.72	-0.35
MWG	125.6	-0.40	-0.20

Source: Bloomberg, BSC Research

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1907	SSI	4/22/2020	169	1:1	35,120	-4.4%	1.0 triệu	26.27%	4,200	4,200	15.07%	2,352.90	1.79
CVHM1902	SSI	4/22/2020	169	1:1	3,580	-81.2%	1.0 triệu	27.12%	18,600	23,360	8.50%	16,631.10	1.40
CVRE1902	HSC	4/8/2020	155	4:1	245,890	-48.7%	5.0 triệu	26.30%	1,300	1,800	8.43%	1,161.20	1.55
CVHM1901	KIS	2/7/2020	94	4:1	57,770	258.8%	5.0 triệu	27.12%	3,100	4,890	7.00%	2,766.00	1.77
CTCB1901	MBS	1/17/2020	73	2:1	352,180	36.9%	2.0 triệu	20.37%	1,680	1,720	3.61%	918.60	1.87
CFPT1906	HSC	4/8/2020	155	5:1	147,950	-49.8%	5.0 triệu	20.17%	1,700	2,000	1.01%	1,079.40	1.85
CVJC1902	SSI	4/22/2020	169	1:1	10,750	-45.0%	1.0 triệu	15.37%	27,900	31,100	0.03%	19,174.80	1.62
CMWG1904	SSI	12/30/2019	55	1:1	26,110	34.2%	1.0 triệu	20.40%	14,000	38,300	0.03%	36,341.90	1.05
CMWG1903	HSC	12/30/2019	55	5:1	120,220	33.8%	2.0 triệu	20.40%	2,700	6,500	0.00%	6,265.70	1.04
CHPG1905	SSI	12/30/2019	55	1:1	132,400	-2.3%	1.0 triệu	26.27%	3,300	980	0.00%	521.00	1.88
CMWG1906	MBS	12/16/2019	41	5:1	153,890	-47.1%	3.0 triệu	20.40%	2,850	2,500	-0.40%	1,350.90	1.85
CFPT1903	SSI	12/30/2019	55	1:1	12,030	-95.9%	2.0 triệu	20.17%	6,000	15,300	-0.78%	14,987.00	1.02
CFPT1904	MBS	11/19/2019	14	3:1	130,350	-79.0%	3.0 triệu	20.17%	1,700	2,520	-0.79%	2,631.60	0.96
CMWG1902	VND	12/11/2019	36	4:1	305,490	253.5%	2.4 triệu	20.40%	2,990	8,910	-1.00%	9,030.20	0.99
CMBB1906	VND	1/9/2020	65	2:1	64,420	51.9%	3.0 triệu	17.00%	2,100	2,270	-1.30%	1,712.80	1.33
CMBB1902	HSC	12/17/2019	42	1:1	196,390	-21.0%	1.0 triệu	17.00%	3,200	3,950	-2.23%	1,639.80	2.41
CFPT1905	SSI	4/22/2020	169	1:1	15,580	-79.9%	1.0 triệu	20.17%	9,900	10,750	-2.54%	6,981.60	1.54
CVNM1903	SSI	4/22/2020	169	1:1	24,600	-40.3%	1.0 triệu	19.22%	26,600	25,750	-3.30%	13,983.10	1.84
CMWG1907	HSC	4/8/2020	155	10:1	168,070	-38.6%	5.0 triệu	20.40%	1,900	1,900	-5.00%	829.80	2.29
CNVL1901	KIS	2/7/2020	94	4:1	128,810	-61.5%	5.0 triệu	20.41%	1,900	1,770	-7.33%	327.90	5.40
CDPM1901	KIS	1/9/2020	65	1:1	94,450	461.9%	1.5 triệu	26.97%	1,900	1,570	-7.65%	520.50	3.02
CVNM1901	KIS	12/13/2020	404	10:1	602,060	N/a	5.0 triệu	19.22%	1,200	340	-17.07%	0.10	3,400.00
CVIC1901	KIS	11/14/2019	9	5:1	81,700	-58.4%	2.0 triệu	17.95%	1,960	80	-33.33%	-	-
CMSN1901	KIS	11/14/2019	9	5:1	387,570	381.1%	1.8 triệu	27.82%	1,920	120	-40.00%	-	-
Tổng:					4,991,990		113.2 triệu	21.29%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất								CR: Tỷ lệ chuyển đổi
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%								Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
					**Trung bình độ lệch chuẩn								*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1907	25,200	21,000	21,900
CVHM1902	103,600	85,000	97,900
CVRE1902	37,700	32,500	35,600
CVHM1901	102,288	89,888	97,900
CTCB1901	26,860	23,500	24,750
CFPT1906	65,500	57,000	59,800
CVJC1902	157,900	130,000	145,700
CMWG1904	165,000	90,000	125,600
CMWG1903	25,800	95,000	125,600
CHPG1905	93,300	23,100	21,900
CMWG1906	135,150	120,900	125,600
CFPT1903	56,154	45,140	59,800
CFPT1904	57,100	52,000	59,800
CMWG1902	48,130	90,000	125,600
CMBB1906	24,200	20,000	23,250
CMBB1902	26,300	21,800	23,250
CFPT1905	64,900	55,000	59,800
CVNM1903	146,600	120,000	129,200
CMWG1907	144,000	125,000	125,600
CNVL1901	69,688	62,088	58,500
CDPM1901	15,888	13,988	13,650
CVNM1901	46,340	156,285	129,200
CVIC1901	150,688	140,888	121,500
CMSN1901	98,488	88,888	76,000

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 05/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CMSN1901 và CVIC1901 mạnh nhất lần lượt là -40.00% và -33.33%. Trái lại, CHPG1907 và CVHM1902 tăng mạnh nhất lần lượt là 15.07% và 8.50%. Thanh khoản thị trường giảm -26.06%. CHPG1906 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.28% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG, VHM, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. TCB tăng mạnh sau đợt điều chỉnh ngắn hạn, tiếp tục vận động tăng giá kéo dài từ đầu tháng 8. Thanh khoản tăng mạnh, đồng thuận với tín hiệu tăng bởi các chỉ báo kỹ thuật. Vận động tăng của TCB có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	125.6	-0.4%	0.7	2,418	3.8	8,321	15.1	4.9	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	85.2	-0.5%	1.0	824	1.9	4,839	17.6	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	75.2	1.6%	1.3	2,292	1.2	1,889	39.8	3.4	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	-0.3%	0.7	322	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	121.5	-0.2%	1.0	17,675	1.4	1,589	76.4	5.2	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	35.6	2.0%	1.1	3,605	6.5	1,033	34.5	2.9	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.5	-1.2%	0.8	2,367	1.1	3,187	18.4	2.7	7.4%	15.5%
REE	Bất động sản	37.9	-1.0%	1.0	511	1.6	5,614	6.8	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	15.9	-0.6%	1.4	364	1.0	3,215	4.9	1.0	68.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.8	0.2%	1.4	482	2.0	1,769	12.3	1.1	56.9%	9.4%
VCI	Chứng khoán	34.9	1.2%	1.0	249	0.2	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.8	0.2%	1.5	329	1.8	1,287	19.3	1.8	56.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	59.8	-0.2%	0.8	1,764	3.2	4,688	12.8	3.0	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	107.0	1.4%	1.5	8,904	2.9	5,886	18.2	4.5	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.7	0.2%	1.5	3,091	0.5	3,467	17.2	3.2	13.3%	19.5%
PVS	Dầu khí	19.3	3.2%	1.7	401	4.6	2,062	9.4	0.8	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.0	0.0%	0.8	1,348	0.9	1,163	8.6	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	0.0%	0.5	534	0.0	4,535	20.7	3.9	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.7	0.0%	0.7	232	0.3	650	21.0	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.3	0.0%	0.6	168	0.0	625	11.6	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	90.8	-1.3%	1.3	14,642	2.4	5,274	17.2	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	42.5	0.7%	1.5	6,317	1.7	2,109	20.2	2.6	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.4	-0.2%	1.6	3,626	2.6	1,641	13.6	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	22.3	1.1%	1.2	2,328	2.7	3,341	6.7	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.3	-0.2%	1.1	2,351	3.3	3,261	7.1	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.6	0.0%	1.1	1,734	3.8	3,585	6.9	1.6	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	52.8	0.4%	0.8	188	0.3	5,073	10.4	1.7	79.3%	16.5%
NTP	Nhựa	32.1	0.0%	0.3	137	0.0	4,603	7.0	1.2	20.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.5	-0.6%	1.2	645	0.0	732	22.5	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.9	0.7%	1.0	2,629	5.3	2,526	8.7	1.3	37.5%	17.4%
HSG	Thép	7.2	0.4%	1.6	132	1.0	890	8.0	0.6	17.0%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	129.2	-1.6%	0.7	9,782	10.6	5,527	23.4	8.3	59.0%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	260.0	0.0%	0.8	7,249	0.1	7,365	35.3	9.3	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	76.0	-0.4%	1.2	3,863	2.5	4,512	16.8	2.6	40.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.3	1.1%	0.5	467	0.8	440	41.6	1.5	6.0%	3.5%
ACV	Vận tải	79.6	-1.7%	0.8	7,534	0.1	2,630	30.3	5.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	145.7	0.3%	1.1	3,318	3.2	9,850	14.8	5.6	19.9%	43.3%
HAV	Vận tải	36.5	0.0%	1.7	2,248	0.6	1,747	20.9	2.9	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	25.9	-3.7%	0.8	334	0.6	1,949	13.3	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.3	0.6%	0.6	212	0.3	2,571	6.7	1.2	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.9	5.1%	0.9	632	2.8	8,338	10.9	4.6	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.9	0.0%	0.8	367	0.1	1,398	13.5	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.5	-0.6%	0.8	274	0.1	1,912	8.6	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	74.5	0.0%	0.7	247	0.9	9,842	7.6	0.7	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.0	0.7%	1.1	519	0.6	1,557	17.3	1.8	0.0%	10.4%
CII	Xây dựng	24.3	-0.2%	0.5	262	0.5	1,845	13.2	1.1	51.8%	8.8%
POW	Điện	13.7	-0.4%	0.6	1,395	1.3	820	16.7	1.3	14.2%	7.8%
NT2	Điện	23.2	0.7%	0.6	290	0.3	2,721	8.5	1.6	19.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	97.90	1.98	1.87	1.84MLN
GAS	107.00	1.42	0.85	618060.00
VRE	35.60	2.01	0.48	4.24MLN
TCB	24.75	1.64	0.41	2.66MLN
EIB	17.40	5.45	0.33	510950.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	90.80	-1.30	-1.31	616630.00
VNM	129.20	-1.60	-1.08	1.88MLN
VIC	121.50	-0.16	-0.20	260520.00
NVL	58.50	-1.18	-0.19	420010.00
MSN	76.00	-0.39	-0.10	764730.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRC	17.65	6.97	0.02	1.34MLN
CLG	3.23	6.95	0.00	1510.00
TPC	9.69	6.95	0.01	10.00
CDC	14.65	6.93	0.00	200.00
NAV	10.50	6.92	0.00	2140.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCR	1.75	-6.91	0.00	12540.00
ST8	16.30	-6.86	-0.01	990.00
SPM	11.85	-6.69	0.00	10.00
PTL	4.06	-6.67	-0.01	71600.00
AGF	2.88	-6.19	0.00	10680.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	19.30	3.21	0.15	5.57MLN
VCS	90.90	5.09	0.15	712600.00
DNP	16.80	2.44	0.03	13400.00
HUT	2.50	4.17	0.02	997600.00
CTX	13.70	7.03	0.02	4800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	112.00	-6.67	-0.08	100.00
MBG	40.80	-4.90	-0.04	271100.00
NVB	9.20	-1.08	-0.04	843700.00
SHN	8.90	-2.20	-0.02	3500.00
ART	2.10	-8.70	-0.02	1.22MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

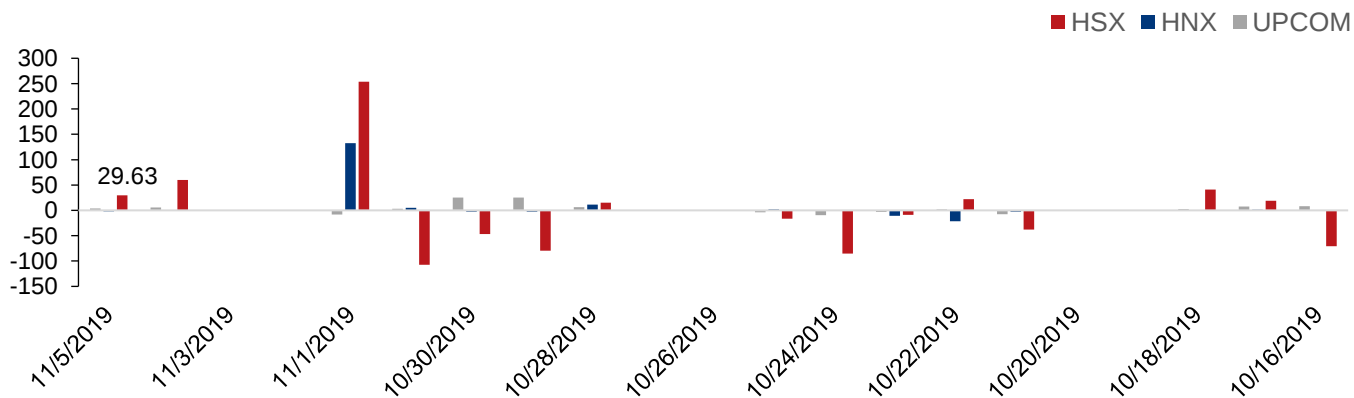
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	64900.00
NHP	0.50	25.0	0.00	93100.00
DST	1.00	11.1	0.00	31200.00
HJS	27.50	10.0	0.01	3300.00
VNT	35.30	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FDT	38.80	-9.98	-0.01	100.00
BTW	31.40	-9.77	-0.01	100.00
PPP	11.30	-9.60	0.00	400.00
C69	11.40	-9.52	-0.01	23700.00
DNY	1.90	-9.52	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
10	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
11	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
12	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
17	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	25.9	3,491	7.4	1.2	Click
2	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.7	2,246	8.3	0.9	Click
3	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.4	3,678	10.4	0.7	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	76.0	4,512	16.8	2.6	Click
5	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	129.2	5,527	23.4	8.3	Click
6	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.6	2,887	7.8	1.6	Click
7	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.9	5,614	6.8	1.2	Click
8	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	81.8	14,958	5.5	1.6	Click
9	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.1	2,279	3.6	0.5	Click
10	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.6	3,585	6.9	1.6	Click
11	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.7	1,079	12.6	1.2	Click
12	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	90.8	5,274	17.2	4.1	Click
13	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.8	1,723	13.2	1.7	Click
14	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.3	3,261	7.1	1.4	Click
15	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	55.1	2,801	19.7	3.2	Click
16	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	25.9	1,949	13.3	1.2	Click
17	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.5	3,391	7.8	1.8	Click
18	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	59.8	4,688	12.8	3.0	Click
19	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.9	649	21.4	1.2	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	125.6	8,321	15.1	4.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn